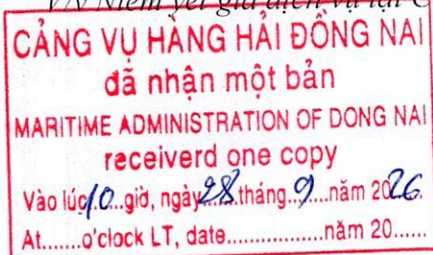


CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG BÌNH DƯƠNG  
Số: 02/2026/CVHHĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
TP HCM, ngày 20 tháng 09 năm 2026

*V/v Niêm yết giá dịch vụ tại Cảng Bình Dương*



Kính gửi: Cảng vụ Hàng Hải Đồng Nai

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024-NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá.

Cảng Bình Dương đã niêm yết công khai biểu giá dịch vụ cảng biển có hiệu lực từ ngày 01/10/2026 được niêm yết trên trang thông tin điện tử tại địa chỉ <https://bdp.gemadept.com.vn>

Đồng thời, chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định, bao gồm việc cung cấp kịp thời, chính xác các số liệu, tài liệu có liên quan khi có yêu cầu từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trân trọng kính báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG BÌNH DƯƠNG



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Trần Sơn Hải*

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 02/2026/QĐ-BDP  
(V/v kê khai giá dịch vụ

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 09 năm 2026

**CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG NAI**  
đã nhận một bản  
MARITIME ADMINISTRATION OF DONG NAI  
received one copy  
Vào lúc 10 giờ, ngày 28 tháng 9 năm 2026  
At ..... o'clock LT, date ..... năm 2026

Kính gửi: Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai

Thực hiện qui định tại Luật giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty Cổ Phần Cảng Bình Dương gửi bảng kê khai bổ sung mức giá dịch vụ cung cấp tại cảng biển (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/10/2026.

Công ty Cổ Phần Cảng Bình Dương xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, CMS

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Trần Sơn Hải*

Họ tên người nộp văn bản: Nguyễn Ngọc Lan

Địa chỉ giao dịch: TĐ Số 1738, TBD số 9(8BT-B), tổ 5 KP Quyết Thắng, P.Đông Hòa, TP HCM

Số điện thoại liên hệ: 090814939

Email : Lannn.cms@pip.com.vn

Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp: <https://bdp.gemadept.com.vn>

**GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN**

(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai và đóng dấu công văn đến)

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 693/CVHHĐN-PCHH ngày 19 tháng 9 năm 2024 của  
Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ)

1. Mức giá kê khai:

| Stt | Tên dịch vụ                                  | Đơn vị tính    | Loại giá            | Giá kê khai lần 1 |                 | Giá kê khai lần 2 |                 | Thời điểm định giá, điều chỉnh giá | Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước (đồng) | Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước (%) | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------|----------------|---------------------|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|     |                                              |                |                     | Giá chưa VAT      | Giá có VAT (8%) | Giá chưa VAT      | Giá có VAT (8%) |                                    |                                               |                                              |         |
| 1   | Nâng cont hàng từ xe<=>bãi từ ngày 11 trở đi |                | DV Bốc dỡ container |                   |                 |                   |                 |                                    |                                               |                                              |         |
| 1.1 | Container 20' khô                            | VND/ Container | DV Bốc dỡ container | 1,430,556         | 1,545,000       | 1,763,889         | 1,905,000       | 1/10/2026                          | 360,000                                       | 23%                                          |         |
| 1.2 | Container 40' khô                            | VND/ Container | DV Bốc dỡ container | 2,407,407         | 2,600,000       | 2,939,815         | 3,175,000       | 1/10/2026                          | 575,000                                       | 22%                                          |         |
| 1.3 | Container 45' khô                            | VND/ Container | DV Bốc dỡ container | 2,800,926         | 3,025,000       | 3,513,889         | 3,795,000       | 1/10/2026                          | 770,000                                       | 25%                                          |         |
| 1.4 | Container 20' lạnh                           | VND/ Container | DV Bốc dỡ container | 2,416,667         | 2,610,000       | 2,750,000         | 2,970,000       | 1/10/2026                          | 360,000                                       | 14%                                          |         |
| 1.5 | Container 40" lạnh                           | VND/ Container | DV Bốc dỡ container | 3,425,926         | 3,700,000       | 3,958,333         | 4,275,000       | 1/10/2026                          | 575,000                                       | 16%                                          |         |



| Stt | Tên dịch vụ                                         | Đơn vị tính    | Loại giá                | Giá kê khai lần 1 |                 | Giá kê khai lần 2 |                 | Thời điểm định giá, điều chỉnh giá | Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước (đồng) | Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề trước (%) | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------|----------------|-------------------------|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------|---------|
|     |                                                     |                |                         | Giá chưa VAT      | Giá có VAT (8%) | Giá chưa VAT      | Giá có VAT (8%) |                                    |                                              |                                             |         |
| 6   | Phụ thu hàng nhập/chiếm dụng bãi quá 14 ngày / ngày | VND/ Container | DV Lưu kho bãi tại cảng |                   |                 |                   |                 |                                    |                                              |                                             |         |
| 6.1 | Container 20' khô                                   | VND/ Container | DV Lưu kho bãi tại cảng | 194,444           | 210,000         |                   |                 | 1/10/2026                          | không                                        | không                                       |         |
| 6.2 | Container 40' khô                                   | VND/ Container | DV Lưu kho bãi tại cảng | 370,370           | 400,600         |                   |                 | 1/10/2026                          | không                                        | không                                       |         |
| 6.3 | Container 45' khô                                   | VND/ Container | DV Lưu kho bãi tại cảng | 370,370           | 400,600         |                   |                 | 1/10/2026                          | không                                        | không                                       |         |

\*/ Mức giá kê khai này có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2026



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Trần Sơn Hải*



Số: 02/2026/QĐ-BDP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 09 năm 2026

**CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG NAI**  
**đã nhận một bản**  
**MARITIME ADMINISTRATION OF DONG NAI**  
**receiverd one copy**  
Vào lúc 10 giờ, ngày 28 tháng 09 năm 2026  
At ..... o'clock LT, date ..... năm 20.....

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Biểu giá dịch vụ cảng Bình Dương**

- ~~Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015;~~
- Căn cứ Luật giá ngày 19/6/2023;
  - Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá;
  - Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/05/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam
  - Căn cứ Quyết định số 810/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá dịch vụ bốc dỡ container tại cảng biển Việt Nam;

Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương quyết định áp dụng biểu giá niêm yết đối với tác nghiệp hàng nhập với nội dung như sau:

1. Biểu giá này sẽ thay thế đơn giá nâng hàng từ ngày 11 trở đi và phụ thu hàng nhập chiếm dụng bãi quá 14 ngày đối với giá đã ban hành trước đây
2. Biểu giá Dịch vụ Cảng biển của Công ty Cổ phần Bình Dương là thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam (VND).
3. Đơn giá trong Biểu giá này là giá đã bao gồm thuế Giá Trị Gia Tăng (VAT) đối với các dịch vụ chịu thuế VAT theo quy định của Nhà nước.
4. Đối tượng áp dụng bao gồm:
  - Chủ hàng có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hàng vận chuyển nội địa hoặc hàng quá cảnh
  - Các Hãng tàu có sử dụng dịch vụ tại cảng Bình Dương .
  - Các đơn vị hoặc cá nhân cung cấp dịch vụ khác.
5. Các phòng ban của Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương chịu trách nhiệm áp dụng biểu giá này.
6. Biểu giá này có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2026.

Nơi nhận

- Cảng vụ Hàng Hải Đồng Nai
- Các hãng tàu và đại lý hàng hải
- Các chủ hàng
- Lưu VT cảng Bình Dương



**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Trần Sơn Hải*

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Ban hành kèm theo văn bản số 02/2026/QĐ-BDP ngày 20/09/2026)

Biểu giá dịch vụ tại cảng biển  
Tất cả giá trong bảng niêm yết, đã bao gồm 8% thuế VAT.

| SỐ<br><br>TT | Phương án làm hàng                                      | Đơn<br>vị tính | Container khô |           |           | Container lạnh |           |
|--------------|---------------------------------------------------------|----------------|---------------|-----------|-----------|----------------|-----------|
|              |                                                         |                | 20'           | 40'       | 45'       | 20'            | 40'       |
| 1            | Nâng container hàng từ bãi lên xe từ ngày thứ 11 trở đi | VND            | 1,905,000     | 3,175,000 | 3,795,000 | 2,970,000      | 4,275,000 |
| 2            | Phụ thu hàng nhập chiếm dụng bãi quá 14 ngày /ngày      | VND            | 210,000       | 400,000   | 400,000   | 210,000        | 400,000   |

Ghi chú :  
Mức giá kê khai này có hiệu lực từ 1/10/2026  
Công ty Cổ Phần Cảng Bình Dương xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu  
và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Trần Sơn Hải*